

Bản án số: 3094/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Phước Nhiều
- Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 730/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15902/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16966/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: NKKN, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang TH, trú tại: NKKN, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 6 năm 2024). Ông Nguyễn Quang TH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn MH, sinh năm 1987

Địa chỉ: CQ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Ngân hàng T- Có ông Nguyễn Quang TH- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 11/5/2022, bà Nguyễn MH ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 436438-8165 với hạn mức sử dụng là 150.000.000 đồng, lãi suất áp dụng là 2.48%, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 947.090.534 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 800.271.570 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 05/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 157.727.755 đồng là nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc bà H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 210.381.815 đồng, trong đó nợ gốc là 157.727.755 đồng, lãi quá hạn là 52.654.060 đồng. Bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Đối với Bị đơn- Bà Nguyễn MH:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà H không có văn bản phản hồi, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Ngày 11/5/2022, bà Nguyễn MH và Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) xác lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T- Sau đây gọi tắt là Hợp đồng. Do bà H không thanh toán đúng hạn số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bà H là Bị đơn, có nơi cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bà H được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[1.3] Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 157.727.755 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 11/5/2022, bà H có ký Hợp đồng với Ngân hàng.

Việc thỏa thuận trong Hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Sau khi được cấp tín dụng, bà H không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch, số tiền gốc bà H còn nợ Ngân hàng là 157.727.755 đồng.

Bà H có địa chỉ nơi cư trú tại Quận 1 nhưng không hợp tác giải quyết tranh chấp. Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H, nhưng bà H không đến Tòa giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng; do đó, yêu cầu của Ngân hàng đòi bà H trả số tiền nợ gốc 157.727.755 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà H trả tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/9/2024 là: 52.654.060 đồng và tiền lãi trên dư nợ gốc kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi bà H trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo trình bày của Ngân hàng, do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/01/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng. Do đó Ngân hàng yêu cầu bà H trả tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 52.654.060 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi bà H trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Viện Kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn MH phải trả ngay cho Ngân hàng T số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 210.381.815đ (Hai trăm mười triệu ba trăm tám mươi một nghìn tám trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 157.727.755 đồng, lãi quá hạn: 52.654.060 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 11/5/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T.

Kể từ ngày 01/10/2024 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 11/5/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho chủ thẻ là khách hàng cá nhân) ngày 11/5/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của

Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn MH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.519.091đ (Mười triệu năm trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi một đồng).

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng T 4.726.154đ (Bốn triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm năm mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P, số: 0039030 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 1;
- CCTHADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh